

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC, NĂNG LỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIẢNG VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

• ThS. HOÀNG THỊ NHỊ HÀ

Trường Đại học sư phạm TP.HCM

1. Vấn đề

Trong định hướng cho công tác nghiên cứu khoa học (NCKH) ở các trường đại học giai đoạn 2000 - 2010 của Bộ GD&ĐT nhấn mạnh: “Đổi mới nhận thức, tăng cường chỉ đạo, tập trung nguồn lực cho NCKH, làm cho hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ trong nhà trường được tương xứng với vị trí giáo dục đại học và tiềm năng trí tuệ của nhà trường đại học thực sự trở thành một trong hai nhiệm vụ chính của mỗi trường đại học, cao đẳng”. Để có những sản phẩm trong NCKH đạt chất lượng và hiệu quả cao phục vụ cho đào tạo và thực tiễn sản xuất đòi hỏi các trường đại học nói chung và các trường đại học sư phạm (ĐHSP) nói riêng cần quan tâm đến chất lượng NCKH cũng như quản lý chất lượng NCKH. Giảng viên (GV) có trách nhiệm thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ giảng dạy và NCKH. Song thực tế không phải GV và các trường quan tâm như nhau. Vì vậy, đòi hỏi mỗi GV và các trường phải có nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ của mình và nâng cao năng lực nghiên cứu của GV thì kết quả nghiên cứu mới có chất lượng đáp ứng yêu cầu thực tế. Nhìn chung kết quả NCKH giáo dục thời gian qua còn “Nhiều sản phẩm nghiên cứu tạo ra trùng nhau, chất lượng thấp nên hiệu quả ứng dụng kém.” [1] Để tìm câu trả lời và nâng cao chất lượng NC cho các trường ĐHSPT, các nhà quản lý cần có những biện pháp nắm được thực trạng của đội ngũ GV đối với NCKH để có tác động tích cực nâng cao chất lượng NCKH của đơn vị mình.

Bài viết nêu kết quả nghiên cứu về thực trạng nhận thức, mức độ tham gia, năng lực tổ chức và kết quả nghiên cứu của GV các trường ĐHSPT, qua đó xác định giải pháp quản lý NCKH nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong NCKH của các trường.

2. Phương pháp nghiên cứu

Qua nghiên cứu có 5 yếu tố chính tác động đến chất lượng NCKH: Điều kiện làm việc của

các nhà khoa học ; Công tác quản lý NCKH; Năng lực đội ngũ cán bộ NC; Kinh phí hỗ trợ; Nhận thức của người NC [2]. Trong bài viết này chúng tôi nêu kết quả điều tra về nhận thức và năng lực của GV các trường ĐHSPT trong NCKH.

Quy trình, biện pháp thực hiện NCKH đòi hỏi người GV trong quá trình NC phải có nhận thức đúng đắn, tâm huyết, đam mê với công việc NC, đặc biệt quan trọng nhất chính là năng lực thực hiện trong quá trình NC. Năng lực NC thể hiện trong tổ chức hoạt động NC bao gồm : phát hiện vấn đề, thực hiện các bước NC, xác định đối tượng, khách thể, sử dụng phương pháp NC, thực hiện đúng tiến độ thời gian, chọn mẫu, viết báo cáo, phát triển luận thuyết, chuyển giao công nghệ... Bên cạnh đó, GV còn phải nắm vững, sử dụng các phương pháp trong quá trình NC. Đối với các trường ĐHSPT ngoài việc thực hiện NC khoa học cơ bản các giảng viên còn NC khoa học giáo dục. Chính vì vậy, ngoài việc nắm vững phương pháp NC chung, các giảng viên còn phải nắm vững phương pháp NC khoa học giáo dục để phục vụ cho NC chuyên sâu của Ngành mà Bộ GD&ĐT đã giao nhiệm vụ cho các trường ĐHSPT.

Chúng tôi tiến hành khảo sát thông qua câu hỏi khách quan về mức độ nhận thức và năng lực NC trên 825 khách thể của 7 trường, khoa sư phạm trong cả nước (xem số liệu bảng 1).

Kết quả về độ tuổi: số phiếu thu được tỉ lệ nghịch so với độ tuổi. Tuy nhiên số phiếu của cán bộ quản lý và GV thu được ở độ tuổi 40-49 chiếm 35.4% cao hơn so với độ tuổi dưới 40. Điều này cho thấy có thể tỉ lệ GV ở độ tuổi này đang giảng dạy công tác tại các trường ĐHSPT là nhiều nhất. Chức danh của GV tỉ lệ thuận với độ tuổi của đối tượng điều tra. Kết quả này cho thấy chức danh khoa học tăng theo độ tuổi. Số giáo sư 11(1,5%) thấp nhất và GV 369 (44,9%) cao nhất so với tổng đối tượng điều tra. Trong số khách thể có 21 (2,7%) là chuyên viên chứng tỏ

Bảng 1: Thống kê khách thể nghiên cứu

STT	Trường	Tổng số	GV		CBQL	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ
1	ĐHSP HN	157	72	47	31	7
2	ĐHSP TP.HCM	205	61	80	46	18
3	ĐHSP Thái Nguyên	88	39	28	10	11
4	ĐHSP Đà Nẵng	112	36	49	22	5
5	ĐHSP Huế	103	66	29	5	3
6	Khoa SP (ĐH Quốc gia HN)	28	13	6	6	3
7	Khoa SP (ĐH Cần Thơ)	132	60	41	16	15
Tổng cộng		825	347	280	136	62
			627 (%)		198 (%)	

đã có 177 (89,3%) cán bộ quản lý là kiêm nhiệm hoặc hưởng theo ngạch lương GV, đồng thời có 264 (32,7%) tiến sĩ, 387 (47,0%) thạc sĩ, 171 (20,7%) cử nhân còn lại là thành phần khác. Trong số 198 cán bộ quản lý (CBQL) trả lời phiếu hỏi có 4(2%) Ban Giám hiệu, 63 (31,8%) Ban

thức đúng về nhiệm vụ NCKH trong trường ĐH. Tuy nhiên còn 1,3% GV tự đánh giá NCKH "không cần thiết". Mức độ theo điểm trung bình đạt $2,5 < 2,73 < 3,5$ ở mức khá "rất cần thiết". Trên cơ sở nhận thức chúng tôi đánh giá về mức độ tham gia NCKH của GV (xem bảng 2).

Bảng 2: Đánh giá mức độ tham gia NCKH của GV (TS=823)

Mức độ	GV TS=627			CBQL TS = 196			Kiểm nghiệm T-Test (sig)
	N	%	ĐTB	N	%	ĐTB	
Rất tích cực	126	20,1	1,93	15	7,7	1,53	.001
Tích cực	345	55,0		85	43,4		
Bình thường	144	23,0		85	43,4		
Không tích cực	12	1,9		11	5,6		

Chủ nhiệm khoa, Viện trực thuộc trường, 76 (38,4%) Tổ trưởng, tổ phó bộ môn, 4 (2,0%) cán bộ phòng ban và còn lại chuyên viên các phòng chức năng.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Đánh giá về nhận thức và mức độ tham gia NCKH của GV các trường ĐHSP

Chúng tôi đưa ra câu hỏi đánh giá về nhận thức của GV về NCKH ở trường ĐHSP ở 3 mức độ: Rất cần thiết, cần thiết, không cần thiết. Kết quả 821 ý kiến trả lời câu hỏi cho thấy có 77,0% ý kiến GV các trường ĐHSP tự đánh giá cho rằng NCKH là "rất cần thiết". Điều này cũng phù hợp với quy định về chức năng và nhiệm vụ của GV cũng như nhà trường: đào tạo và NCKH là 2 nhiệm vụ chính của trường ĐH. Kết quả nêu trên cho thấy phần lớn GV của các trường đã có nhận

Kết quả bảng 2 cho thấy mức độ tham gia NCKH của GV theo đánh giá của CBQL của các trường ĐHSP điểm trung bình 1,59 đến 1,93 < 2,5 đều dưới mức trung bình. Tỷ lệ GV tự đánh giá mức độ "rất tích cực" chỉ chiếm 20,1% và về mặt này CBQL đánh giá chỉ đạt 7,7%. GV tham gia NCKH theo đánh giá của CBQL ở mức "bình thường" tương đối cao là 43,4%, thậm chí có 5,6% GV tham gia "không tích cực". Kết quả kiểm nghiệm T-test là 0.001 cho thấy khác biệt này là có ý nghĩa về mặt thống kê. Qua kết quả cho thấy yêu cầu của CBQL đòi hỏi GV tham gia NCKH phải cao hơn. Đầu tư thời gian của GV cũng phù hợp với thực tiễn phỏng vấn ý kiến của phòng đào tạo các trường cho rằng "Thực trạng số GV dạy vượt giờ chuẩn khá nhiều, có những GV dạy vượt gấp đôi số giờ chuẩn 280 tiết".

Bảng 3: Đánh giá về mức độ nắm vững PP NCKH của GV ĐHSP

PP NCKH	Mức độ	GV TS=620			CBQL TS = 195			Kiểm nghiệm T-Test (sig)
		N	%	ĐTB	N	%	ĐTB	
PP NCKH đại cương	Rất vững	89	14,4	2,86	12	6,2	2,53	.001
	Vững	366	59,0		89	45,6		
	Tương đối vững	156	25,2		86	44,1		
	Không nắm vững	9	1,5		8	4,1		
PP NCKH giáo dục	Rất vững	68	11,0	2,69	14	7,2	2,46	.390
	Vững	312	50,4		74	38,1		
	Tương đối vững	216	34,9		94	48,5		
	Không nắm vững	22	3,6		12	6,2		

Phần lớn thời gian GV đầu tư cho công tác giảng dạy, việc tham gia NCKH phần nào bị hạn chế đúng với thực tế của các trường.

3.2. Đánh giá về mức độ nắm vững phương pháp (PP) NCKH của GV ĐHSP (TS=825)

Nắm PP NCKH giúp người NC triển khai thuận lợi đề tài trong quá trình NC. Chính vì vậy có 61,7% GV xác định nắm vững PP NCKH "rất cần thiết". Tuy nhiên, còn 3,4% GV cho là "không cần thiết" nắm vững PP NCKH.

Trên bảng 3, kết quả cho thấy GV tự đánh giá mức độ nắm vững PP NCKH đại cương "rất

nắm vững" tỉ lệ là 14,4%, tuy nhiên so với đánh giá của CBQL về mặt này GV chỉ đạt tỉ lệ 6,2%. CBQL cho rằng tỉ lệ GV "tương đối nắm vững" PP NCKH đại cương là 44,1% và mức độ đánh giá chỉ đạt mức trung bình 2,46 < 2,5. So sánh mức độ nắm vững kết quả nắm vững PP NCKH đại cương và PP NCKH giáo dục cho thấy mức độ nắm vững PP NCKH giáo dục ở các trường ĐHSP có phần thấp hơn. Thậm chí, còn 6,2% GV "không nắm vững" PP NCKH giáo dục, điều này sẽ ảnh hưởng phần nào đến NCKH giáo dục của các trường.

3.3. Đánh giá về mức độ năng lực tổ chức

Bảng 4: Đánh giá mức độ năng lực tổ chức NCKH của GV các trường ĐHSP

Nội dung đánh giá	TS	Mức độ (%)				ĐTB	Thứ hạng
		Tốt	Khá	TB	Yếu		
1. Xác định đúng đối tượng NCKH	822	45.4	41.6	12.0	1.0	3.31	1
2. Phác thảo các bước NC đề tài	824	44.1	41.0	14.2	0.7	3.28	2
3. Thu thập và xử lý dữ liệu	824	41.7	43.1	13.7	1.5	3.25	3
4. Xác định đúng khách thể NC	822	41.1	41.8	16.1	1.0	3.23	4
5. Phát hiện vấn đề NC	825	39.6	44.4	14.8	1.5	3.22	5
6. Lựa chọn và sử dụng có hiệu quả PPNC	824	33.1	49.2	15.9	1.8	3.13	6
7. Viết báo cáo công bố kết quả nghiên cứu của đề tài	823	37.5	46.2	14.2	2.1	3.19	7
8. Công bố kết quả từng phần	823	31.0	47.9	19.3	1.8	3.08	8
9. Soạn thảo công cụ nghiên cứu phù hợp đề tài NC	820	28.3	50.9	19.3	1.6	3.05	9
10. Chọn mẫu khảo sát phù hợp với thực tế	822	28.2	50.4	19.7	1.7	3.05	10
11. Thực hiện nghiên cứu đảm bảo tiến độ thời gian	823	28.4	46.8	22.1	2.7	3.00	11
12. Phát triển luận thuyết khoa học	819	24.5	47.5	24.3	3.7	2.92	12
13. Đề xuất chuyển giao công nghệ	821	20.8	42.6	27.6	8.9	2.75	13

NCKH của GV ĐHSP (TS = 801-825)

Đánh giá trên toàn mẫu nghiên cứu về mức độ năng lực tổ chức NCKH của GV ĐHSP kết quả cho thấy mức độ năng lực tổ chức NCKH ở các trường ĐHSP điểm trung bình dao động trong khoảng $2,75-3,31 < 3,5$, đạt mức khá (xem bảng 4)

Tuy nhiên xét về từng kĩ năng chúng ta nhận thấy số thứ tự từ 1 đến 7 là những kĩ năng cơ bản GV thực hiện tương đối tốt được xếp hạng cao. "Xác định đúng đối tượng NCKH" thứ bậc 1, "Phác thảo các bước NC đề tài" thứ bậc 2, "Thu thập và xử lý dữ liệu" thứ bậc 3. Trong khi đó các kĩ năng không thực sự khó trong hoạt động nghiên cứu, song không được xếp ở thứ bậc cao như: "Công bố kết quả từng phần" thứ bậc 8, "Thực hiện nghiên cứu đảm bảo tiến bộ thời gian" thứ 11. Phải chăng vấn đề này còn liên quan đến yếu tố khách quan khác mà chính các GV khi thực hiện hoạt động nghiên cứu không chủ động được. Những kĩ năng đòi hỏi tính tổng hợp trong NC không được đánh giá ở thứ bậc cao: "Soạn thảo công cụ nghiên cứu phù hợp đề tài NC" thứ bậc 9. "Chọn mẫu khảo sát phù hợp với thực tế" thứ bậc 10. Các kĩ năng khó trong hoạt động nghiên cứu đều xếp thứ bậc thấp nhất "Phát triển luận thuyết khoa học" thứ 12, "Đề xuất chuyển giao công nghệ" thứ bậc 13 và điểm chỉ đạt trên trung bình 0,25.

3.4. Đánh giá về mức độ kết quả NCKH của GV ĐHSP (TS=812)

Đánh giá trên toàn mẫu nghiên cứu mức độ kết quả NC về 5 nội dung: 1. Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiên cứu; 2. Hướng dẫn sinh viên NCKH; 3. Triển khai áp dụng vào quá trình giảng dạy; 4. Hướng dẫn học viên sau đại học; 5. Triển khai áp dụng vào thực tiễn. Mức độ điểm trung bình 5 mặt đều đạt ở mức đạt 2,72-3,21.

Kết quả đánh giá về "nâng cao năng lực chuyên môn, nghiên cứu" thứ bậc 1, "hướng dẫn sinh viên nghiên cứu" thứ bậc 2, tuy nhiên "kết quả NCKH triển khai áp dụng vào thực tiễn" được đánh giá ở mức thấp nhất (thứ bậc 5).

Nhận xét chung: Kết quả điều tra cho thấy đa số GV các trường ĐHSP nhận thức đúng đắn về mức độ cần thiết của NCKH trong trường ĐH và mức độ nắm vững PP NCKH, đó chính là điểm thuận lợi để các trường quan tâm phát huy, triển khai sâu rộng NCKH trong GV toàn trường. Tuy nhiên, các trường cũng cần thường xuyên quan tâm và có biện pháp bồi dưỡng nâng cao

năng lực NC và PP NCKH cho GV, đặc biệt là PP NCKH GD.

Mức độ đầu tư thời gian cho NCKH của GV các trường ĐHSP chỉ được đánh giá ở mức trung bình, thậm chí, có 17.6% GV tự đánh giá cho rằng "rất ít" đầu tư thời gian cho NCKH. Nguyên nhân chính GV dạy vượt giờ khá cao và đa số dạy vượt chuẩn. Các trường cần quan tâm đưa 30% số giờ lao động dành cho NCKH vào tiêu chuẩn thi đua và chuẩn hoá trong giờ lao động của các GV.

Năng lực triển khai NCKH của GV các trường nhìn chung ở mức khá, tuy nhiên về tiến độ thực hiện đề tài được đánh giá là chậm so với quy định và yêu cầu về phát triển luận thuyết khoa học và chuyển giao công nghệ còn ở mức thấp. Kết quả NC của các đề tài về chất lượng chỉ đánh giá ở mức trung bình khá và mang lại hiệu quả thực tiễn chỉ đạt mức trung bình. Các trường cần quan tâm hơn đến tính khả thi và địa chỉ ứng dụng để các công trình NC ngày càng được nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng.

GV các trường ĐHSP tham gia NCKH có tác dụng tích cực về mặt bồi dưỡng chuyên môn và cho hoạt động đào tạo. Trong quá trình triển khai NCKH đã có nhiều GV được nâng cao trình độ. Đây là một chủ trương đúng đắn, các trường cần tăng cường đầu tư cho nguồn lực chất xám góp phần nâng cao năng lực đội ngũ NCKH cho đất nước.

4. Đề xuất một số biện pháp nhằm tăng cường quản lí nâng cao chất lượng NCKH trong các trường ĐHSP

Xuất phát từ nhận thức về tầm quan trọng NCKH trong các trường ĐHSP và thực trạng năng lực GV và kết quả NC, chúng tôi xin đề xuất một số biện pháp nhằm tăng cường quản lí nâng cao chất lượng NCKH trong các trường ĐHSP như sau:

4.1. Nâng cao nhận thức, đổi mới công tác quản lí NCKH trong các trường ĐHSP: Các cán bộ lãnh đạo và GV cần nhận thức rõ hơn ai hết về tầm quan trọng và tác dụng NCKH trong đào tạo, giảng dạy, NC; tạo điều kiện cho NCKH được tăng về số lượng và chất lượng; quan tâm ban hành quy chế NCKH, cụ thể hóa 30% số giờ lao động dành cho NCKH đưa vào tiêu chuẩn thi đua và chuẩn hoá trong giờ lao động của các GV.

4.2 Bồi dưỡng nâng cao năng lực NC cho GV: phòng QLKH tổ chức lớp bồi dưỡng PP NCKH, PP NCKH giáo dục, PP thống kê theo

phần mềm SPSS; cử cán bộ trẻ học tập nâng cao trình độ; phân công cán bộ đầu ngành chủ trì nhóm NC đề tài, hướng dẫn tập dượt, truyền đạt kinh nghiệm NCKH cho cán bộ trẻ.

4.3 Tăng cường kết hợp NCKH trong đào tạo đại học và sau đại học: duyệt đề tài NCKH cho các GV có hướng dẫn sinh viên, học viên sau đại học; kết hợp với các sở khoa học-công nghệ, sở GD-ĐT hỗ trợ kinh phí và đặt hàng giao nhiệm vụ cán bộ được cử đi đào tạo sau đại học NC giải quyết vấn đề của thực tế địa phương.

4.4 Xây dựng định hướng trọng điểm NC phục vụ ngành sư phạm: tổ chức hội nghị liên trường xác định nhiệm vụ chung, phân công, phối hợp NC tránh trùng lặp giữa các trường.

Trên cơ sở Đảng và Nhà nước quan tâm đầu tư cho công tác giáo dục, trong đó có hoạt động NCKH, chúng tôi thiết nghĩ các trường ĐHSP sẽ có định hướng thiết thực trong quản lí, triển khai một cách có chất lượng hiệu quả NCKH phục vụ

cho ngành và xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Báo cáo kết quả hội thảo khối các trường NC KH giáo dục, số 1459/ĐHSP-KH Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 10/2005.
- [2]. Hoàng Thị Nhị Hà, Tìm hiểu quản lí chất lượng NC khoa học ở các trường Đại học Sư phạm, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 5, 2/2006.

SUMMARY

The article describes the appraisal about the reality of lecturers' scientific research in the Pedagogy Universities such as awareness, spending time, organizational ability of scientific research and research result. They're all to find out the solution to raise the quality of the lecturers' research.

THÁCH THỨC...

(Tiếp theo trang 26)

trường.

3. Các trường THPT-NCL cần rà soát, phân loại giáo viên trong trường để có biện pháp bồi dưỡng chuyên môn phù hợp. Cử 100% giáo viên dạy lớp 10 tham gia tập huấn thay sách do các Sở GD&ĐT tổ chức. Bổ sung giáo viên theo yêu cầu của chương trình mới như giáo viên tin học, giáo viên dạy các môn công nghệ, hoạt động ngoài giờ lên lớp ...

4. Cải tiến hình thức, nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn theo hướng sinh hoạt chuyên đề, phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của mỗi cá nhân, tăng cường kiểm tra, đánh giá giáo viên.

5. Đa dạng hoá các hình thức bồi dưỡng giáo viên: đào tạo dài hạn, nâng chuẩn, chuẩn hoá và bồi dưỡng tại chỗ, giáo viên tự bồi dưỡng...

IV. Kết luận

Triển khai đại trà chương trình và SGK THPT mới đối với các trường THPT-NCL có nhiều thách thức, trong đó 2 thách thức lớn nhất là thách thức về điều kiện cơ sở vật chất và đội ngũ. Để đẩy lùi thách thức, thực hiện thắng lợi việc triển khai đại trà chương trình và SGK THPT

mới cần có cơ chế, chính sách phù hợp và nhanh chóng của các cấp quản lí, cần có sự chủ động, sáng tạo từ phía các nhà trường THPT-NCL. Kết hợp được 2 yếu tố trên nhất định các trường THPT-NCL sẽ phát triển và khẳng định vị trí của loại hình trường này trong hệ thống giáo dục quốc dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1. Luật Giáo dục năm 2005.
- 2. Chỉ thị 25/2006/CT-TTg ngày 01-8-2006 của Thủ tướng Chính phủ
- 3. Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục trung học năm học 2006-2007
- 4. Thống kê đầu năm học 2005-2006 - Sở GD&ĐT Hải Phòng.

SUMMARY

The author presents and analyzes the present situation of physical facilities and teachers in non-public upper secondary schools in Hai Phong and challenges ahead to these schools while streaming education and proposes some solutions to the problems.